

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS TRƯỜNG CHÍNH

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Trường Chính Năm học 2024 – 2025

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- Đã hoàn thành chương trình Tiểu học. - Có hồ sơ hợp lệ và tuổi của học sinh vào lớp 6 là 11 tuổi (theo giấy khai sinh hợp lệ). - Theo phân tuyến của Ban chỉ đạo tuyển sinh quận Tân Bình.	- Đủ điều kiện lên lớp 7. - Có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại quận Tân Bình. - Có cha mẹ là công chức, viên chức cơ quan nhà nước, quân đội, công an trên địa bàn quận Tân Bình. - Cha mẹ có công đóng góp xây dựng quận Tân Bình, xây dựng sự nghiệp giáo dục.	- Đủ điều kiện lên lớp 8. - Có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại quận Tân Bình. - Có cha mẹ là công chức, viên chức cơ quan nhà nước, quân đội, công an trên địa bàn quận Tân Bình. - Cha mẹ có công đóng góp xây dựng quận Tân Bình, xây dựng sự nghiệp giáo dục.	- Đủ điều kiện lên lớp 9. - Có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại quận Tân Bình. - Có cha mẹ là công chức, viên chức cơ quan nhà nước, quân đội, công an trên địa bàn quận Tân Bình. - Cha mẹ có công đóng góp xây dựng quận Tân Bình, xây dựng sự nghiệp giáo dục.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành cấp trung học cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành cấp trung học cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành cấp trung học cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành cấp trung học cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về	- Cha mẹ học sinh: Phối hợp với nhà trường trong việc quản lý, giáo dục về học tập và kỷ	- Cha mẹ học sinh: Phối hợp với nhà trường trong việc quản lý, giáo dục về học tập và kỷ luật	- Cha mẹ học sinh: Phối hợp với nhà trường trong việc quản lý, giáo dục về học tập và kỷ	- Cha mẹ học sinh: Phối hợp với nhà trường trong việc quản lý, giáo dục về học tập và kỷ



	thái độ học tập của học sinh	luật của học sinh. - Học sinh: Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường.	của học sinh. - Học sinh: Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường.	luật của học sinh. - Học sinh: Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường.	luật của học sinh. - Học sinh: Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục như hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp, ngoại khóa, tham quan trải nghiệm, tiết học ngoài nhà trường, tiết học ngoài không gian lớp học,... - Tổ chức rèn luyện kỹ năng sống, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục sức khỏe sinh sản,... phù hợp với tâm lý học sinh THCS. - Tham gia đầy đủ và hiệu quả các hội thi, phong trào do ngành tổ chức.	- Tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục như hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp, ngoại khóa, tham quan trải nghiệm, tiết học ngoài nhà trường, tiết học ngoài không gian lớp học,... - Tổ chức rèn luyện kỹ năng sống, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục sức khỏe sinh sản,... phù hợp với tâm lý học sinh THCS. - Tham gia đầy đủ và hiệu quả các hội thi, phong trào do ngành tổ chức.	- Tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục như hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp, ngoại khóa, tham quan trải nghiệm, tiết học ngoài nhà trường, tiết học ngoài không gian lớp học,... - Tổ chức rèn luyện kỹ năng sống, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục sức khỏe sinh sản,... phù hợp với tâm lý học sinh THCS. - Tham gia đầy đủ và hiệu quả các hội thi, phong trào do ngành tổ chức.	- Tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục như hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp, ngoại khóa, tham quan trải nghiệm, tiết học ngoài nhà trường, tiết học ngoài không gian lớp học,... - Tổ chức rèn luyện kỹ năng sống, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục sức khỏe sinh sản,... phù hợp với tâm lý học sinh THCS. Tham gia đầy đủ và hiệu quả các hội thi, phong trào do ngành tổ chức.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Xếp loại rèn luyện: Tốt: 97.06%; Khá: 2.74%; Đạt: 0,2%; Chưa đạt: 0,00%. - Học tập: Tốt 56.92%; Khá 32.25%; Đạt 10.83%; Chưa	- Xếp loại rèn luyện: Tốt: 96.27%; Khá: 3.08%; Đạt: 0.65%; Chưa đạt: 0,00%. - Học tập: Tốt 62.61%; Khá 26.88%; Đạt 10.51%; Chưa	- Xếp loại rèn luyện: Tốt: 96.17%; Khá: 2.98%; Đạt: 0,85%; Chưa đạt 0,00%. - Học tập: Tốt 69.18%; Khá 23.86%; Đạt 6.96%; Chưa đạt	- Hạnh kiểm: Tốt: 98.42%; Khá: 1.58%; Đạt: 0,00%; Chưa đạt 0,00%. - Học tập: Giỏi 70.54%; Khá 24.7%; Đạt 4.76%; Chưa đạt

		đạt 0.00%. - Sức khỏe học sinh: 99,8% có sức khỏe bình thường; Học sinh khuyết tật hòa nhập 0,2%.	đạt 0.00%. - Sức khỏe học sinh: 99,6% có sức khỏe bình thường; Học sinh khuyết tật hòa nhập 0,4%.	0.00%. - Sức khỏe học sinh: 99,5% có sức khỏe bình thường; Học sinh khuyết tật hòa nhập 0,5%.	0.00%. - Sức khỏe học sinh: 100% có sức khỏe bình thường.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Hoàn tất chương trình lớp 6 và đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 7.	Hoàn tất chương trình lớp 7 và đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 8.	Hoàn tất chương trình lớp 8 và đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 9.	- Hoàn tất chương trình lớp 9 và đủ điều kiện xét tốt nghiệp THCS. - Đủ khả năng tiếp tục học tập ở bậc học trung học phổ thông hoặc Trung cấp nghề theo định hướng phân luồng, giáo dục hướng nghiệp.

Tân Bình, ngày 21 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Trịnh


ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS TRƯỜNG CHÍNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục học sinh

Năm học: 2023 – 2024

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của BGDDT)

STT	Nội dung	Tổng số	KHỐI LỚP			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm					
1	Tốt (%)	96.16	96.06	94.97	94.6	98.41
2	Khá (%)	3.35	3.74	4.38	3.98	1.59
3	Trung bình/ Đạt (%)	0.27	0.00	0.44	0.85	0.00
4	Yếu/ Chưa đạt (%)	0.22	0.2	0.21	0.57	0.00
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Giỏi/Tốt	63.21	54.92	60.61	68.18	70.44
2	Khá	28.23	34.25	28.88	23.86	24.6
3	Trung bình/Đạt	8.24	10.04	10.51	7.39	4.96
4	Yếu/Chưa đạt	0.32	0.79	0.00	0.57	0.00
5	Kém	0.00	-	-	-	0.00
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (%)	99,67	99,21	100	98,43	100
1.1.	Học sinh giỏi (%)	39.43	19.29	28.01	38.92	70.44
1.2.	Học sinh tiên tiến (%)	30.53	35.63	32.6	28.98	24.6
2	Thi lại (%)	0.33	0,79	0.00	0.57	0.00
3	Lưu ban (%)	0.00	0,20	0.00	0.00	0.00
4	Chuyển trường đến/đi	22/40	7/7	9/18	3/7	3/8
5	Bị đuổi học	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
6	Bỏ học	7	1	3	2	1
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp quận					42
2	Cấp tỉnh/thành phố					22
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi TN					504
VI	Số học sinh được công nhận TN					504
1	Giỏi					355
2	Khá					124
3	Trung bình					25
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	939/882	259/249	221/236	189/163	270/234
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	29	10	4	3	12

Tân Bình, ngày 21 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Trịnh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS TRƯỜNG CHINH

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất
Năm học: 2023 – 2024

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	26	Số m²/hs
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	26	1m ² /1hs
2	Số phòng học bộ môn (Tin học, THPT)	5	1m ² /1 hs
3	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		
4	Bình quân lớp/phòng học	2 lớp/1 phòng	
5	Bình quân học sinh/lớp	40 hs/1 lớp	
III	Số điểm trường		
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	3561 m²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1909.8 m²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1344 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	392 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	140 m ²	
4	Diện tích phòng khác (phòng làm việc, y tế, đoàn thể, phòng giáo viên,...) (m ²)	656 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu		
1	Khối lớp 6 (các môn)	Có đầy đủ	
2	Khối lớp 7 (các môn)	Có đầy đủ	
3	Khối lớp 8 (các môn)	Có đầy đủ	
4	Khối lớp 9 (các môn)	Có đầy đủ	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập	80	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số thiết bị	Số thiết bị/lớp
1	Tivi	3	
2	Cassette	13	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	21	
	- Overhead		
	- Projector	21	
	- Bảng tương tác	0	
5	Thiết bị khác		

	- Máy photo	1	-
	- Máy in	5	-
	Nội dung	Số lượng (m²)	
X	Nhà bếp		

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XI	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	không	Không	Không
XII	Khu nội trú	không	Không	Không

XIII	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	Đạt		Đạt		0,09m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh	không		Không		Không

	Nội dung	Có	Không
XIV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XV	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVI	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIII	Tường rào xây	x	

Tân Bình, ngày 21 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Trinh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS TRƯỜNG CHINH

Biểu mẫu 12

THÔNG BÁO
Công khai về thông tin đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Năm học: 2023 – 2024

Stt	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp		Chuẩn nghề nghiệp Năm học: 2023-2024			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	85	1	8	72		4		31	49	79	1		
I	GIÁO VIÊN	77		7	70				30	47	76	1		
1	Toán	14		1	13				4	10	14			
2	Vật lý	4		2	2				3	1	4			
3	Hóa	4			4				1	3	4			
4	Sinh	5			5				3	2	5			
5	Ngữ văn	13		1	12				6	7	13			
6	Anh văn	11			11				1	10	11			
7	Lịch sử	4		1	3				2	2	4			
8	Địa lý	4			4				3	1	3	1		
9	Giáo dục công dân	3			3					3	3			
10	Âm nhạc	3			3				2	1	3			
11	Mỹ thuật	1								1	1			
12	Công nghệ	2			2				1	1	2			
13	Thể dục	5		2	3				2	3	5			

Biểu mẫu 12

14	Tin học	3			3			1	2	3			
15	Giáo viên Tổng phụ trách	1			1			1		1			
16	Giáo viên làm công tác Giám thị												
II CÁN BỘ QUẢN LÝ		3	1	1	1			1	2	3			
1	Hiệu trưởng	1	1						1	1			
2	Phó Hiệu trưởng	2		1	1			1	1	2			
III NHÂN VIÊN		5			1		4						
1	Nhân viên văn thư	1					1						
2	Nhân viên kế toán	1			1								
3	Thủ quỹ	1					1						
4	Nhân viên y tế	1					1						
5	Nhân viên thư viện												
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm												
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật												
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1					1						
9	Nhân viên phục vụ												
10	Nhân viên bảo vệ												

Tân Bình, ngày 21 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Trinh